

NGHỊ QUYẾT

**Về việc bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 33/NQ-HĐND
ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Danh mục
các dự án chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa, đất rừng
trên địa bàn tỉnh Bến Tre trong năm 2019**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHOÁ IX - KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Xét Tờ trình số 2697/TTr-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 về danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa, đất rừng trên địa bàn tỉnh Bến Tre trong năm 2019; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa, đất rừng trên địa bàn tỉnh Bến Tre trong năm 2019 gồm 15 dự án. Tổng diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa là 20,27 ha.

(Chi tiết Danh mục bổ sung các dự án kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khoá IX, Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 03 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre thông qua./.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi

**DANH MỤC BỔ SUNG CÁC DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT
TỪ ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẾN TRE
TRONG NĂM 2019**

*(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2019
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre)*

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích sử dụng			Địa điểm thực hiện công trình, dự án	Chủ đầu tư	Ghi chú; thời gian hoàn thành
		Tổng diện tích của công trình, dự án (ha)	Trong đó				
			Diện tích đất lúa cần chuyển mục đích (ha)	Diện tích đất rừng cần chuyển mục đích (ha)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	TỔNG CỘNG	62,57	20,27				
I	THÀNH PHỐ BẾN TRE	0,20	0,20				
1	Chùa Phật Bửu	0,20	0,20	Xã Sơn Đông	Chùa Phật Bửu	6/2022	
II	HUYỆN CHÂU THÀNH	8,75	2,15				
1	Giai đoạn 2 (điều chỉnh) của Dự án Nâng cấp ĐT.883 đoạn từ đường vào cầu Rạch Miễu đến cầu An Hóa, huyện Châu Thành	2,70	1,80	Các xã: Phú An Hòa, Quới Sơn, An Khánh, Tân Thạch, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành	BQLDA Đầu tư xây dựng các công trìnhgiao thông	6/2022	
2	Cửa hàng trung bày dịch vụ ô tô (Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Toyota Tiền Giang)	0,05	0,05	Xã Tam Phước, Hữu Định (thửa đất số 665, tờ bản đồ số 15 xã Tam Phước; thửa đất số 15, tờ bản đồ số 01 xã Hữu Định)	Quyết định số 632/QĐ- UBND ngày 8/4/2019 của UBND tỉnh	6/2022	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích sử dụng			Địa điểm thực hiện công trình, dự án	Chủ đầu tư	Ghi chú; thời gian hoàn thành
		Tổng diện tích của công trình, dự án (ha)	Trong đó				
			Diện tích đất lúa cần chuyển mục đích (ha)	Diện tích đất rừng cần chuyển mục đích (ha)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
3	Trường Tiểu học An Hiệp huyện Châu Thành	6,00	0,30		Xã An Hiệp, huyện Châu Thành	BQLDA Đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	6/2022
III	HUYỆN BÌNH ĐẠI	1,57	1,57				
1	Chùa Phú Thọ	0,38	0,38		Xã Phú Thuận	Chùa Phú Thọ	6/2022
2	Chùa Phước Lộc	0,03	0,03		Xã Đại Hòa Lộc	Chùa Phước Lộc	6/2022
3	Chùa Vạn Phước	1,16	1,16		Thị trấn Bình Đại	Chùa Vạn Phước	6/2022
IV	HUYỆN THẠNH PHÚ	22,96	4,31				
1	Cụm công nghiệp thị trấn Thạnh Phú	3,00	2,75		Thị trấn Thạnh Phú	Liberty Inter Group (Viet Nam) co.Ltd	6/2022
2	Cơ sở sản xuất tôm giống	19,50	1,10		Xã An Thạnh	Công ty cổ phần chăn nuôi CP	6/2022
3	Nhà thờ Bến Vông (chuyển từ đất trồng lúa sang đất làm nghĩa trang, nghĩa địa)	0,46	0,46		Xã Bình Thạnh, huyện Thạnh Phú	Hộ đạo Bến Vông	6/2022
V	HUYỆN GIỒNG TRÔM	20,05	3,00				

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích sử dụng			Địa điểm thực hiện công trình, dự án	Chủ đầu tư	Ghi chú; thời gian hoàn thành
		Tổng diện tích của công trình, dự án (ha)	Trong đó				
			Diện tích đất lúa cần chuyển mục đích (ha)	Diện tích đất rừng cần chuyển mục đích (ha)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Lô G, Lô E, Lô F, Lô F1 Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp xã Phong Năm	20,05	3,00		Xã Phong Năm	UBND huyện Giồng Trôm	6/2022
VI	HUYỆN BA TRI	6,44	6,44				
1	Cơ sở sản xuất nước đá Quang Thanh	0,04	0,04		Xã Vĩnh An	Cơ sở sản xuất nước đá Quang Thanh	6/2022
2	Nhà máy sản xuất phân bón hữu cơ	6,40	6,40		Xã An Bình Tây	Công ty TNHH Phân bón Thành Tâm	6/2022
VII	HUYỆN MỎ CÂY NAM	2,00	2,00				
1	Công trình xây dựng khu lưu niệm Nguyễn Sinh Sắc tại Khu di tích Chùa Tuyên Linh	2,00	2,00		Xã Minh Đức	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	6/2022
VIII	HUYỆN MỎ CÂY BẮC	0,60	0,60				
1	Trường Tiểu học Nhuận Phú Tân 2, huyện Mỏ Cây Bắc	0,60	0,60		Xã Nhuận Phú Tân, huyện Mỏ Cây Bắc	BQLDA Đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	6/2022

CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi